



èn ì

呃逆

noun · hiccup

Example Sentence

è nǐ shì yì zhǒng cháng jiàn de shēng lǐ xiàn xiàng
呃逆是一种常见的生理现象。

Hiccups are a common physiological phenomenon.

Trace each character, then write the word on your own.

呃 呃 呃 呃 呃 呃 呃 呃 呃 呃

逆 逆 逆 逆 逆 逆 逆 逆 逆 逆 逆

逆